

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2021

V/v “Ly hôn giữa chị H và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29/01/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Phùng Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn –chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Phùng Văn H kết hôn ngày 10/9/2007, trên cơ sở tự nguyện, có được tình cảm trước khi kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu gia đình anh H ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị

sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Phùng Văn A, sinh ngày 08/01/2007; Phùng Gia H, sinh ngày 20/9/2010 và Phùng Minh Kh, sinh ngày 25/01/2021. Hiện cháu A và cháu H đang do anh H và gia đình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Kh do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung là Phùng Minh Kha và ý kiến để anh H nuôi dưỡng con chung là Phùng Gia H và Phùng Văn A. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 1 Điều 70, khoản 1 Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H, xử chị H được ly hôn anh H; Về con chung: giao cho chị H nuôi con chung là Phùng Minh Kh, giao anh H nuôi dưỡng con chung là Phùng Văn A, Phùng Gia H. Chị H và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 19 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H với bị đơn là anh Phùng Văn H trú tại thôn T, xã Ng, huyện T là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Phùng Văn H, chị Phạm Thị H: anh Phùng Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do; chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Phạm Thị H và anh Phùng Văn H kết hôn ngày 10/9/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Qua làm việc với gia đình anh H và đại diện chính quyền địa phương thì thấy hiện mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể tiếp tục chung sống được nữa. chị H kiên quyết xin ly hôn anh H. Vì vậy, HĐXX thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: quá trình chung sống chị H, anh H có 03 con chung là Phùng Văn A, sinh ngày 08/01/2007, Phùng Gia H, sinh ngày 20/9/2010 và Phùng Minh Kh, sinh ngày 25/01/2021. Hiện cháu A, cháu H đang do anh H và gia đình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Phùng Minh Kh và ý kiến để anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Gia H, Phùng Văn A. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử thấy hiện chị H và anh H đều có đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi con chung. Qua làm việc với đại diện gia đình anh H và đại diện chính quyền địa phương cho thấy hiện cả cháu A và cháu H đều phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, cháu A và cháu H ý kiến xin được ở với anh H. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con

chung là Phùng Minh Kh, sinh ngày 25/01/2021, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Gia H, sinh ngày 20/9/2010, Phùng Văn A, sinh ngày 08/01/2007. Chị H và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phùng Văn H.

2. Về con chung: giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Minh Kh, sinh ngày 25/01/2021, giao cho anh Phùng Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Văn A, sinh ngày 08/01/2007 và Phùng Gia H, sinh ngày 20/9/2010. Chị H và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000033 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

- Các đương sự;
- UBND xã Ng;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Hà Giang